

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO BÀI THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ NỘI TRÚ

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	Điểm trước P.K	Điểm sau P.K	Ghi chú
MÔN TỔNG HỢP						
1	26.03.10.0268	Nam	04/12/2002	7,63	7,63	
2	26.03.09.0194	Nữ	06/01/2002	7,25	7,25	
3	26.03.08.0142	Nam	12/12/2002	8,25	8,25	
4	26.03.22.0435	Nữ	13/04/2002	7,25	7,25	
5	26.03.09.0204	Nữ	07/05/2002	8,25	8,25	
6	26.03.19.0403	Nữ	12/10/2002	6,75	6,75	
7	26.03.15.0336	Nữ	31/07/2002	8,5	8,5	
8	26.03.15.0344	Nữ	06/02/2002	7,5	7,5	
9	26.03.01.0023	Nam	08/10/2002	7,75	7,75	
10	26.03.12.0075	Nam	06/05/2002	7,75	7,75	
11	26.03.10.0220	Nữ	23/09/2002	8,63	8,63	
12	26.03.01.0025	Nam	28/07/2002	7,25	7,25	
13	26.03.20.0416	Nam	10/12/2002	7,38	7,38	
14	26.03.08.0101	Nam	01/01/2001	8,38	8,38	
NỘI KHOA						
15	26.03.10.0277	Nữ	25/04/2002	5,13	5,13	
16	26.03.10.0268	Nam	04/12/2002	7,25	7,25	
17	26.03.09.0194	Nữ	06/01/2002	7,75	7,75	
18	26.03.10.0299	Nữ	31/03/2002	7,25	7,25	
19	26.03.22.0435	Nữ	13/04/2002	8	8	
20	26.03.09.0173	Nam	13/03/2002	7,38	7,38	
21	26.03.09.0204	Nữ	07/05/2002	7,88	7,88	
22	26.03.10.0271	Nam	08/11/2002	7	7	
23	26.03.19.0403	Nữ	12/10/2002	7	7	
24	26.03.09.0174	Nam	07/12/2002	8	8	
25	26.03.10.0220	Nữ	23/09/2002	8,13	8,13	
26	26.03.10.0281	Nữ	12/06/2002	8,25	8,25	
27	26.03.10.0239	Nam	28/09/2002	6,88	6,88	
NGOẠI KHOA						
28	26.03.15.0371	Nữ	28/07/2002	6,13	6,13	
29	26.03.08.0142	Nam	12/12/2002	7,3	7,3	
30	26.03.16.0386	Nữ	05/08/2001	6,8	6,8	
31	26.03.15.0336	Nữ	31/07/2002	6,38	6,38	
32	26.03.15.0344	Nữ	06/02/2002	7	7	
33	26.03.15.0355	Nam	29/01/2002	6,25	6,25	
34	26.03.15.0356	Nam	21/10/2002	6,25	6,25	
35	26.03.01.0007	Nam	22/07/2002	7,7	7,7	



✓

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	Điểm trước P.K	Điểm sau P.K	Ghi chú
36	26.03.01.0023	Nam	08/10/2002	7,3	7,3	
37	26.03.15.0333	Nam	26/04/2002	5,63	5,63	
38	26.03.08.0109	Nam	26/04/2002	6,9	6,9	
39	26.03.20.0417	Nam	17/04/2001	6,8	6,8	
40	26.03.01.0006	Nam	11/05/2002	6,5	6,5	
41	26.03.01.0025	Nam	28/07/2002	7,4	7,4	
42	26.03.20.0416	Nam	10/12/2002	7,5	7,5	

NHI KHOA

43	26.03.10.0268	Nam	04/12/2002	7,5	7,5	
44	26.03.09.0194	Nữ	06/01/2002	8,13	8,13	
45	26.03.22.0435	Nữ	13/04/2002	7,88	7,88	
46	26.03.09.0173	Nam	13/03/2002	8,13	8,13	
47	26.03.09.0204	Nữ	07/05/2002	8,63	8,63	
48	26.03.10.0271	Nam	08/11/2002	7,63	7,63	
49	26.03.19.0403	Nữ	12/10/2002	7,63	7,63	
50	26.03.03.0039	Nữ	27/04/2001	6,5	6,5	
51	26.03.09.0174	Nam	07/12/2002	7,5	7,5	
52	26.03.10.0220	Nữ	23/09/2002	7,5	7,5	
53	26.03.09.0172	Nam	13/05/2002	7,38	7,38	
54	26.03.10.0281	Nữ	12/06/2002	7,63	7,63	
55	26.03.10.0239	Nam	28/09/2002	7,75	7,75	

SẢN PHỤ KHOA

56	26.03.08.0104	Nam	02/11/1994	7,25	7,25	
57	26.03.08.0142	Nam	12/12/2002	8,5	8,5	
58	26.03.15.0336	Nữ	31/07/2002	9,25	9,25	
59	26.03.01.0007	Nam	22/07/2002	7,88	7,88	
60	26.03.01.0023	Nam	08/10/2002	7,88	7,88	
61	26.03.01.0025	Nam	28/07/2002	7,5	7,5	
62	26.03.08.0101	Nam	01/01/2001	7,38	7,38	

TOÁN XÁC SUẤT THỐNG KÊ

63	26.03.08.0104	Nam	02/11/1994	4,25	4,25	
64	26.03.15.0371	Nữ	28/07/2002	6,63	6,63	
65	26.03.08.0122	Nữ	05/02/2001	5,25	5,25	
66	26.03.09.0194	Nữ	06/01/2002	7,25	7,25	
67	26.03.08.0142	Nam	12/12/2002	5,25	5,25	
68	26.03.22.0435	Nữ	13/04/2002	5,63	5,63	
69	26.03.09.0173	Nam	13/03/2002	6,75	6,75	
70	26.03.19.0403	Nữ	12/10/2002	6	6	
71	26.03.15.0336	Nữ	31/07/2002	6,75	6,75	
72	26.03.15.0344	Nữ	06/02/2002	7,25	7,25	
73	26.03.03.0039	Nữ	27/04/2001	5	5	
74	26.03.12.0075	Nam	06/05/2002	6,25	6,25	
75	26.03.10.0220	Nữ	23/09/2002	7,13	7,13	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	Điểm trước P.K	Điểm sau P.K	Ghi chú
76	26.03.01.0025	Nam	28/07/2002	8,25	8,25	
77	26.03.09.0172	Nam	13/05/2002	7,25	7,25	
78	26.03.20.0416	Nam	10/12/2002	7,63	7,63	
79	26.03.08.0131	Nữ	30/12/2002	4,33	4,33	
80	26.03.08.0129	Nữ	06/12/2002	3,67	3,67	
81	26.03.08.0101	Nam	01/01/2001	7,63	7,63	

Danh sách có 81 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2026

CHỦ TỊCH



Ngô Quốc Đạt
HIỆU TRƯỞNG

